

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HS-PT
Ngày 17-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ;

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo **Lê Văn N** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 287/2022/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là **thành phố**) T, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn N**, sinh năm 1988 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang**; địa chỉ tạm trú: nhà trọ **Phạm Anh V, tổ D, khu phố M, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: tài xế; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn T** và bà **Võ Thị T1**; bị cáo có vợ tên **Nguyễn Thị Kim Đ** và có 02 người con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/7/2022 đến ngày 22/7/2022; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo, 01 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH G (gọi tắt là **Công ty G**) và **Công ty TNHH S** (gọi tắt là **Công ty S**) ký kết hợp đồng kinh doanh trong việc gia công, sản xuất hàng ngũ kim. **Nguyễn**

Đức H là công nhân làm việc tại bộ phận kho hàng ngũ kim của Công ty G từ ngày 18/4/2022 nhưng không ký hợp đồng lao động, công việc của H là kiểm kê hàng hóa nhập, xuất theo lệnh xuất nhập hàng của công ty. Lê Văn N và Trần Văn A là công nhân của Công ty S, N làm tài xế, A làm phụ xe.

Khoảng 09 giờ ngày 12/7/2022, Lê Văn N và Trần Văn A điều khiển xe ô tô biển số 61LD-025.35 chở hàng từ Công ty S đến Công ty G để giao hàng. Trong quá trình giao hàng tại Công ty G, A thấy trong kho hàng của Công ty G có nhiều hàng nên nói với Nguyễn Đức H “Hàng trong kho sao nhiều vậy anh, có ra được không”, H nghe và biết A muốn trộm cắp tài sản từ kho đem bán nên trả lời “Để tui sắp xếp coi ra được không, tui báo”. Sau đó, H tiếp tục làm việc như bình thường tại kho hàng còn A và N điều khiển xe 61LD-025.35 đi về Công ty TNHH S. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, ông Xu W là giám đốc của Công ty G yêu cầu H kiểm kê lại số lượng hàng bị hư, lập danh sách đưa chủ quản ký phiếu xuất kho để trả lại hàng cho Công ty S. H kiểm kê và lập danh sách số hàng hư hỏng gồm 100 khung sắt, 60 bao ốc vít rồi đưa cho chủ quản ký phiếu xuất kho. Cùng thời điểm này, N và A điều khiển xe ô tô biển số 61LD-025.35 đến kho hàng của Công ty G để nhận hàng hư về gia công, trong khi nhận hàng A gặp H và nói “Hàng ra được không, ra được bán phế liệu chia đôi”, nghe vậy H trả lời “được”. Sau đó, H điều khiển xe nâng, nâng 100 khung sắt, 60 bao ốc vít xếp lên thùng xe 61LD-025.35. Khi xếp xong hàng trả lại, lợi dụng lúc không ai để ý H tiếp tục dùng xe nâng, nâng 01 ba lết chứa 72 bao nylon chứa vít màu đen đầu tròn, mỗi bao chứa 8000 con vít xếp lên thùng xe 61LD-025.35. Sau khi xếp hàng xong, A đóng thùng xe lại rồi đến gặp N và nói cho N biết trong thùng xe có hàng, đem ra ngoài bán được chia đôi, N nghe và đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe 61LD-025.35 chở A ra đến cổng của công ty thì bị bảo vệ kiểm tra hàng hóa trên xe phát hiện số hàng trên xe vượt quá số lượng hàng ghi trong phiếu xuất kho nên giữ lại và thông báo cho công ty.

Công ty G trình báo vụ việc đến Công an phường U. Công an phường U tiến hành tiếp nhận tin báo, lập hồ sơ, tạm giữ vật chứng, đồ vật liên quan đến vụ án gồm: 01 xe ô tô biển số 61LD-025.35; 72 bao nylon chứa vít dù, mỗi bao chứa 8000 con vít và chuyển giao Hòa, A, N cùng hồ sơ, vật chứng thu giữ cho Cơ quan cảnh sát điều tra C (nay là thành phố) Tân Uyên thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 73/KLTS-TTHS ngày 18/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản, xác định 72 bao vít màu đen đầu tròn, mỗi bao chứa 8000 con vít chưa qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 33.408.000 đồng, các tài sản trên đã trả lại cho bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 287/2022/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên (nay là thành phố), Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 12/7/2022 đến ngày 22/7/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo **A** và bị cáo **H** mỗi bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù và tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, bị cáo **N** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do bị cáo đang nuôi con nhỏ và chăm sóc cha mẹ già yếu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **N** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **N** về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ, vai trò của bị cáo là mờ nhạt, sau khi các bị cáo khác lấy trộm tài sản mới nói cho bị cáo **N** biết để đưa tài sản ra khỏi **Công ty TNHH G**. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018) hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xét xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo **N** nói lời nói sau cùng: bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, bị cáo có hai con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo chưa gây thiệt hại. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo để ở nhà chăm sóc con cái và cha mẹ già yếu, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo **N** làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thị xã (nay là **thành phố**) **T**, tỉnh **Bình Dương**, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo **N** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **N** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo **N** trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài nên ngày 12/7/2022 tại **Công ty G** ở **khu phố G, phường U**, thị xã (nay là **thành phố**) **T**, tỉnh **Bình Dương** các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của **Công ty G** lén lút chiếm đoạt 72 bao vít màu đen đầu tròn, mỗi bao chứa 8000 con vít (chưa qua sử dụng) nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Tại thời điểm bị chiếm

đoạt những tài sản có giá trị là 33.408.000 đồng. Bị cáo **Lê Văn N** phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Lê Văn N** 01 (một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng pháp pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018) hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Kháng cáo của bị cáo **N** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn N**; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 287/2022/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo **Lê Văn N**.

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018) hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn N** 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày xét xử phúc thẩm (ngày 17 tháng 4 năm 2023).

Giao bị cáo **Lê Văn N** cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Lê Văn N** không phải nộp.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố), Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND phường Thái Hòa, thị xã (nay là thành phố), Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Thạch